TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 04/2022/QĐST-HNGĐ	*Càng Long, ngày 12 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu xác định mẹ cho con

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Trang

Thư ký phiên họp: Ông Đinh Văn Dư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 67/2022/TLST-VDS, ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc *" Yêu cầu xác định mẹ cho con"* theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 40/2022/QĐST - VDS ngày 23 tháng 3 năm 2022 và Thông báo dời ngày mở phiên họp giải quyết việc dân sự số: 322/TB-TA ngày 05/4/2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1997

Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trương Thị Bé S, sinh năm 1968
2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958

Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu đề ngày 24/02/2022, bản tự khai và tại phiên họp chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: Cha chị là ông Nguyễn Văn T có người vợ thứ nhất là Bùi Thị T, sinh năm 1962. Năm 1994, bà T chết, đến năm 1995, ông T cưới người vợ thứ hai là bà Trương Thị Bé S. Ngày 20/3/1997 bà Bé S sinh con chung với ông T đặt tên là Nguyễn Thị Bích T. Ngày 18/4/1997, ông T đến Ủy ban nhân dân xã B đăng ký giấy khai sinh cho chị số 40 ngày 18/4/1997 có phần khai người cha là Nguyễn Văn T, sinh năm 1958 người mẹ là Bùi Thị T, sinh năm 1962. Phần khai người mẹ là Bùi Thị T, sinh năm 1962 là không chính xác, bởi vì mẹ ruột chị là bà Trương Thị Bé S, sinh năm 1968. Chị và bà Trương Thị Bé S cũng thực hiện giám định AND, kết quả

chị và bà Trương Thị Bé S có cùng huyết thống mẹ con. Vì lý do đó, nay chị yêu cầu Tòa án xác định bà Trương Thị Bé S, sinh năm 1968; Nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh là mẹ đẻ của chị.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên họp bà Trương Thị Bé S trình bày: Bà và ông T xác lập hôn nhân chung sống thành vợ thành chồng vào năm 1995 sau khi bà Bùi Thị T (vợ ông T) chết, nhưng đến năm 2021 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, còn Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 20/3/1997 là con chung của bà và ông T. Bà và chị T cũng đã tiến hành giám định AND, kết quả bà và chị T có cùng huyết thống mẹ con nên bà thống nhất việc chị T yêu cầu Tòa án xác định bà là mẹ của chị Nguyễn Thị Bích T.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên họp ông Nguyễn Văn T trình bày: Năm 1994, vợ của ông là bà Bùi Thị T, sinh năm 1962 bệnh chết. Đến năm 1995, ông cưới bà Trương Thị Bé S về sống chung như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn, đến 2021 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, ngày 20/3/1997 bà Bé S sinh con chung với ông và đặt tên là Nguyễn Thị Bích T. Do ông và bà Bé S chưa có đăng ký kết hôn nên khi đăng ký khai sinh cho Nguyễn Thị Bích T ông khai tên người mẹ là Bùi Thị T, sinh năm 1962 mục đích để chị T có giấy khai sinh đi học. Nay ông khẳng định bà Trương Thị Bé S mới chính là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Bích T, bà Bé S và chị T cũng đã tiến hành giám định AND, kết quả bà Bé S và chị T có cùng huyết thống mẹ con nên ông thống nhất việc chị T yêu cầu Tòa án xác định bà Trương Thị Bé S là mẹ của chị Nguyễn Thị Bích T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Càng Long phát biểu quan điểm tại phiên họp:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết việc dân sự, chủ tọa phiên họp đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Với chứng cứ thể hiện tại hồ sơ và tại phiên họp, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Bích T. Tuyên bố bà Trương Thị Bé S, sinh năm 1968; Nơi cư trú ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh là mẹ của chị Nguyễn Thị Bích T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

[1] *Về xác định yêu cầu và thẩm quyền*: Chị Nguyễn Thị Bích T có đơn yêu cầu xác định bà Trương Thị Bé S, sinh năm 1968 có nơi cư trú: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh là mẹ đẻ của chị, nên xác định yêu cầu của chị T là *"yêu cầu xác định mẹ cho con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C quy định tại khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung yêu cầu xác định mẹ cho con*: Năm 1995, ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị Bé S chung sống như vợ chồng nhưng chưa đăng ký kết hôn, đến ngày 20/3/1997 bà Trương Thị Bé S sinh ra con chung với ông T đặt tên Nguyễn Thị Bích T. Ông T, bà Bé S và chị T đều thừa nhận chị T là con chung của ông T với bà Bé S. Lời thừa nhận của các đương sự là phù hợp với Phiếu kết quả phân tích AND của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại và Dịch vụ DNA TESTINGS kết luận chị Nguyễn Thị Bích T và bà Trương Thị Bé S có cùng huyết thống mẹ - con với độ tin cậy >99,9999%. Mặc khác, tại Trích lục khai tử số: 117/TLKT ngày 23/12/2021 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh thể hiện bà Bùi Thị T, sinh năm 1962 đã chết vào ngày 07/5/1994, điều này khẳng định bà Bùi Thị T không phải là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Bích T.

Từ những nhận định và căn cứ trên, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị T về việc xác định mẹ cho con.

[3] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C về việc chấp nhận đơn yêu cầu, xác định chị T là con đẻ của bà Bé S là phù hợp với nhận định của Tòa án.

[4] Lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ vào khoản 1 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trâm phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 149; Điều 367; Điều 371 và khoản 1 Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 90; khoản 2 Điều 101; khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Nguyễn Thị Bích T.

2. Công nhận chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1997; nơi cư trú ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh; giới tính Nữ; giấy chứng minh nhân dân số 334905639 là con đẻ của bà Trương Thị Bé S, sinh năm 1968; nơi cư trú ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chị Nguyễn Thị Bích T và bà Trương Thị Bé S có trách nhiệm đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục pháp lý về khai sinh của chị Nguyễn Thị Bích T.

3. *Về lệ phí giải quyết việc dân sự*: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được cấn trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm

ứng án, lệ phí Tòa án số 0008545 ngày 24/02/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu.

4. *Về quyền kháng cáo*: Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyên Càng Long;
- Chi cục THADS huyện Càng Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP
Nguyễn Thị Trang
Đã ký